

Số: 96/2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 5, Điều 211 và khoản 1, Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 183/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Bà **Nguyễn Thị Kiều N**, sinh ngày 01/01/1978

2. Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh ngày 01/01/1977

Cùng địa chỉ: ấp B, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Nguyễn Hoàng T có bà **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số A, khóm H, phường T, tỉnh Vĩnh Long (Theo giấy uỷ quyền ngày 21/10/2025).

- *Bị đơn:* 1. Ông **Phan Mạnh H1**, sinh năm 1962

2. Bà **Đoàn Thị N1**, sinh năm 1964

3. Ông **Phan Thanh H**, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phan Mạnh H1, bà Đoàn Thị N1, ông Phan Thanh H có ông **Ngô Minh P**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khóm C, phường B, tỉnh Vĩnh Long (Theo giấy uỷ quyền ngày 23/4/2026).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Thị Xuân T2**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp N, xã L, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Xuân T2 có ông **Ngô Minh P**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khóm C, phường B, tỉnh Vĩnh Long (Theo giấy uỷ quyền ngày 23/4/2026).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung:

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị Kiều N với ông Phan Mạnh H1, bà Đoàn Thị N1, ông Phan Thanh H ngày 03/3/2025 hợp đồng lập tại Văn phòng C tại thửa đất số 318, TĐĐ số 9, diện tích 937.4m², loại đất trồng cây lâu năm;

- Vô hiệu hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị Kiều N với ông Phan Mạnh H1, bà Đoàn Thị N1, ông Phan Thanh H ngày 06/5/2025 hợp đồng lập tại Văn phòng C1;

- Bị đơn ông Phan Mạnh H1, bà Đoàn Thị N1, ông Phan Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều N số tiền vay bao gồm gốc và lãi là 1.120.000.000 đồng (*một tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng*), trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*) và tiền lãi là 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*).

- Công nhận phần đất thửa số 318, TĐĐ số 9, diện tích 937.4m², loại đất trồng cây lâu năm cho ông Phan Mạnh H1 và bà Đoàn Thị N1 được quản lý sử dụng quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 00764700 ngày 19/3/2025 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Phan Thị Xuân T2 uỷ quyền cho ông Ngô Minh P thống nhất với thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn. Bà Phan Thị Xuân T2 không có yêu cầu hay ý kiến nào khác.

- Các đương sự có nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có yêu cầu thi hành án về số tiền, nếu bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Phía nguyên đơn đồng ý chịu chi phí này và đã nộp xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 22.950.000đ (*hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*) nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận chia đôi án phí. Bị đơn Phan Mạnh H1 và Đoàn Thị N1 đồng ý nộp thay số tiền án phí cho nguyên đơn. Do ông H1 bà N1 thuộc diện người cao tuổi, có đơn miễn án phí. Nên bị đơn Đoàn Thị N1 3.825.000đ (*ba triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, ông Phan Mạnh Hùng H1 chịu 3.825.000đ (*ba triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn*

đồng) án phí dân sự sơ thẩm, ông Phan Thanh H phải chịu toàn bộ án phí của ông H là 7.650.000đ (*bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Kiều N số tiền tạm ứng án phí là 21.300.000 đồng (*hai mươi một triệu, ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002669 ngày 09/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng GDKT&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Võ Thị Hồng Điệp